TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **477**/2019/QĐST-HNGĐ	*Bắc Từ Liêm, ngày 27 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2011 quyển số 01/2011 đăng ký ngày 14/3/2011 tại UBND xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội. (Nay là phương Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 568/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
- Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1987
- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987

Nơi ĐKNKTT và trú tại : TTXN cầu T, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội (Số 1 ngõ 2 phố K, tổ dân phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/12/2019, các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình, sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Phạm Văn T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị T và anh T có 03 con chung là cháu Phạm Nam Quốc H, sinh ngày 13/7/2012; cháu Phạm Hương L, sinh ngày 27/10/2013 và cháu Phạm Duy N, sinh ngày 17/7/2018. Khi ly hôn, chị Tvà anh T thỏa thuận các con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi các con chung là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) một tháng kể từ tháng 01/2020 đến khi các con chung thành niên có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Chị T và anh T tự nguyện chịu cả lệ phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí dân sự sơ thẩm..

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thanh T và anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Hai anh chị có 03 con chung: là cháu Phạm Nam Quốc H, sinh ngày 13/7/2012; cháu Phạm Hương L, sinh ngày 27/10/2013 và cháu Phạm Duy N, sinh ngày 17/7/2018. Sau khi ly hôn, chị T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung anh T cấp dưỡng nuôi các con chung là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) một tháng kể từ tháng 01/2020 đến khi các con chung thành niên có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác. Anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Hai anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Chị T và anh T phải chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp theo biên lai số AB/2015/0003289 ngày 18/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ghi nhận chị T và anh T đã nộp đủ lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm;
- UBND P. Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thùy Chi